

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH HÀ TĨNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 122/2018/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 12 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại phụ lục 01, phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2017-2020; định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**  
**KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị quyết số 64/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;*

*Căn cứ Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về Hệ thống Mục lục ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP;*

*Thực hiện Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;*

*Xét Tờ trình số 405/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại phụ lục 01, phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*



## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Sửa đổi quy định tỷ lệ điều tiết khoản thu Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu) quy định tại mục Đ, chương II, Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND:**

“Thuế bảo vệ môi trường (*Phần ngân sách địa phương được hưởng*):

1. Cục Thuế tỉnh quản lý thu: Ngân sách tỉnh 100%.
2. Chi Cục thuế các huyện, thành phố, thị xã quản lý thu: Ngân sách huyện, thành phố, thị xã 70%; ngân sách xã, phường, thị trấn 30%.”

**Điều 2. Sửa đổi tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu từ Quỹ đất tại các Khu tái định cư các dự án quy định tại điểm II, mục E, chương II, Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND:**

“1. Đối với các dự án do tỉnh làm chủ đầu tư: Sau khi trừ chi phí đầu tư (tạm tính bằng 55% trên tổng số tiền sử dụng đất thu được và điều tiết cho ngân sách cấp tỉnh); 45% số thu còn lại (được xem là 100%) được phân chia: Ngân sách tỉnh 50%; ngân sách huyện, thành phố, thị xã 50%.

2. Đối với các dự án do tỉnh làm chủ đầu tư trên địa bàn huyện xây dựng nông thôn mới được tỉnh phê duyệt: Sau khi trừ chi phí đầu tư (tạm tính bằng 55% trên tổng số tiền sử dụng đất thu được và điều tiết cho ngân sách cấp tỉnh); 45% số thu còn lại được điều tiết cho ngân sách huyện.

3. Đối với các dự án do cấp huyện làm chủ đầu tư (Trong trường hợp được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ủy quyền làm chủ đầu tư):

a) Trường hợp dự án được đầu tư từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh: Sau khi trừ chi phí đầu tư (tạm tính bằng 55% trên tổng số tiền sử dụng đất thu được và điều tiết cho ngân sách cấp tỉnh); 45% số thu còn lại được điều tiết ngân sách cấp huyện;

b) Trường hợp dự án được đầu tư từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và một phần từ ngân sách cấp huyện: Điều tiết ngân sách cấp huyện 100%. Đối với phần chi phí đầu tư (tạm tính bằng 55% trên tổng số tiền sử dụng đất thu được), Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn trả về ngân sách tỉnh phần kinh phí tương ứng tỷ lệ phần trăm (%) nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh đã đầu tư vào dự án;

c) Trường hợp dự án được đầu tư từ ngân sách cấp huyện: Ngân sách huyện, thành phố, thị xã 100%.”

**Điều 3. Sửa đổi tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu tiền sử dụng đất (thuộc quỹ đất còn lại) phát sinh trên địa bàn xã quy định tại điểm VI, mục E và tiền thuê đất, mặt nước của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) phát sinh trên địa bàn xã**



**quy định tại mục G, chương II, Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND:**

“1. Thu tiền sử dụng đất (Tư Quỹ đất còn lại) phát sinh trên địa bàn xã:

a. Phát sinh trên địa bàn xã thuộc thị xã Hồng Lĩnh, thị xã Kỳ Anh và các huyện: Ngân sách huyện, thị xã 50%; ngân sách xã 50%;

b. Phát sinh trên địa bàn xã thuộc thành phố Hà Tĩnh: Ngân sách tỉnh 10%; ngân sách thành phố 40%; ngân sách xã 50%.

2. Thu tiền thuê đất, mặt nước của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) phát sinh trên địa bàn xã thuộc các huyện, thành phố, thị xã: Ngân sách huyện, thành phố, thị xã 70%; ngân sách xã 30%.

3. Nguồn thu được hình thành tại khoản 1, khoản 2 điều này được điều tiết về cho ngân sách cấp huyện để tạo nguồn vốn thực hiện chương trình nông thôn mới. Hàng năm, Hội đồng nhân dân cấp huyện tiến hành phân bổ lại cho các xã để thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó ưu tiên phân bổ nguồn lực cho các xã đăng ký đạt chuẩn trong năm và các xã khó khăn về nguồn thu trên.”

**Điều 4. Bổ sung khoản 7 vào điểm II mục A chương I Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND:**

“7. Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.”

**Điều 5. Bổ sung mục M vào chương II Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND:**

“M. Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

I. Đối với giấy phép khai thác tài nguyên nước do Trung ương cấp phép: Ngân sách Trung ương 70%; ngân sách tỉnh 20%; ngân sách huyện, thành phố, thị xã 10%.

II. Đối với giấy phép khai thác tài nguyên nước do tỉnh cấp phép: Ngân sách tỉnh 50%; ngân sách huyện, thành phố, thị xã 50%.”

**Điều 6. Sửa đổi mục 7; mục 10.2; nội dung phát sinh trên địa bàn xã quy định tại mục 10.6, mục 11, mục 13; bổ sung mục 17 quy định tại Phụ biểu ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND (Chi tiết tại Phụ biểu đính kèm).**

**Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách quy định tại Nghị quyết này nếu khác với quy định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 24/9/2016, Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 15/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thì thực hiện theo Nghị quyết này.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị quyết này không áp dụng cho các huyện xây dựng nông thôn mới được tỉnh phê duyệt.

### **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 9. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.
2. Nghị quyết này bãi bỏ:
  - a) Quy định tỷ lệ điều tiết khoản thu Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu) quy định tại mục Đ, chương II, Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND;
  - b) Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu từ Quỹ đất tại các Khu tái định cư các dự án quy định tại điểm II, mục E, chương II, Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND;
  - c) Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu tiền sử dụng đất (thuộc quỹ đất còn lại) phát sinh trên địa bàn xã quy định tại điểm VI, mục E và tiền thuê đất, mặt nước của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) phát sinh trên địa bàn xã quy định tại mục G, chương II, Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND;
  - d) Mục 7; mục 10.2; nội dung phát sinh trên địa bàn xã quy định tại mục 10.6, mục 11, mục 13 tại Phụ biểu ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin VP HĐND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Đình Sơn**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**PHỤ BIỂU SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2017-2020**  
(Kèm theo Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh)

| TT   | Nội dung                                                                                                                    | Tỷ lệ điều tiết giai đoạn 2017-2020 |      |      |     | Ghi chú |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------|------|-----|---------|
|      |                                                                                                                             | NSTU                                | NST  | NSH  | NSX |         |
| 7    | Thu thuế bảo vệ môi trường (Phần ngân sách địa phương được hưởng)                                                           |                                     |      |      |     |         |
| 7.1  | Cục Thuế tỉnh quản lý thu                                                                                                   |                                     | 100% |      |     |         |
| 7.2  | Chi cụ thuế các huyện, thành phố, thị xã quản lý thu                                                                        |                                     |      | 70%  | 30% |         |
| 10   | Tiền sử dụng đất                                                                                                            |                                     |      |      |     |         |
| 10.2 | Quy đất tại các Khu tái định cư các dự án                                                                                   |                                     |      |      |     |         |
| a    | Đổi với các dự án do tỉnh làm chủ đầu tư                                                                                    |                                     |      |      |     |         |
| -    | Chi phí thực hiện 55%                                                                                                       |                                     | 100% |      |     |         |
| -    | 45% chi phí còn lại (được xem là 100%)                                                                                      |                                     | 50%  | 50%  |     |         |
| b    | Đổi với các dự án do tỉnh làm chủ đầu tư trên địa bàn huyện xây dựng nông thôn mới được tỉnh phê duyệt                      |                                     |      |      |     |         |
| -    | Chi phí thực hiện 55%                                                                                                       |                                     | 100% |      |     |         |
| -    | 45% chi phí còn lại                                                                                                         |                                     |      | 100% |     |         |
| c    | Đổi với các dự án do cấp huyện làm chủ đầu tư (Trong trường hợp được UBND tỉnh quyết định ủy quyền làm chủ đầu tư), cụ thể: |                                     |      |      |     |         |
| -    | Trường hợp dự án được đầu tư từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh:                                                       |                                     |      |      |     |         |
| +    | Chi phí thực hiện 55%                                                                                                       |                                     | 100% |      |     |         |
| +    | 45% chi phí còn lại                                                                                                         |                                     |      | 100% |     |         |

| TT   | Nội dung                                                                                                | Tỷ lệ điều tiết giai đoạn 2017-2020 |     |      |     | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                               |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----|------|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      |                                                                                                         | NSTƯ                                | NST | NSH  | NSX |                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| -    | Trường hợp dự án được đầu tư từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và một phần từ ngân sách cấp huyện |                                     |     | 100% |     | Đối với phần chi phí đầu tư (tạm tính bằng 55% trên tổng số tiền sử dụng đất thu được), UBND cấp huyện hoàn trả về ngân sách tỉnh phần kinh phí tương ứng tỷ lệ phần trăm (%) nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh đã đầu tư vào dự án.                     |
| -    | Trường hợp dự án được đầu tư từ ngân sách cấp huyện                                                     |                                     |     | 100% |     |                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 10.6 | Quy đất còn lại                                                                                         |                                     |     |      |     |                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| a    | Phát sinh trên địa bàn xã thuộc Thị xã Hồng Lĩnh, thị xã Kỳ Anh và các huyện                            |                                     |     | 50%  | 50% | Hàng năm, HĐND cấp huyện tiến hành phân bổ lại cho các xã để thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó ưu tiên phân bổ nguồn lực cho các xã đang ký đạt chuẩn trong năm và các xã khó khăn về nguồn thu trên |
| b    | Phát sinh trên địa bàn xã thuộc Thành phố Hà Tĩnh                                                       |                                     | 10% | 40%  | 50% |                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 11   | Tiền thuê đất, mặt nước phát sinh trên địa bàn xã thuộc các huyện, thành phố, thị xã                    |                                     |     | 70%  | 30% |                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 17   | Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước                                                            |                                     | 50% | 50%  |     |                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 17.1 | Trung ương cấp phép                                                                                     | 70%                                 | 20% | 10%  |     |                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 17.2 | Tỉnh cấp phép                                                                                           |                                     | 50% | 50%  |     |                                                                                                                                                                                                                                                                       |

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

